FireAnt

Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (HSX: PVD)

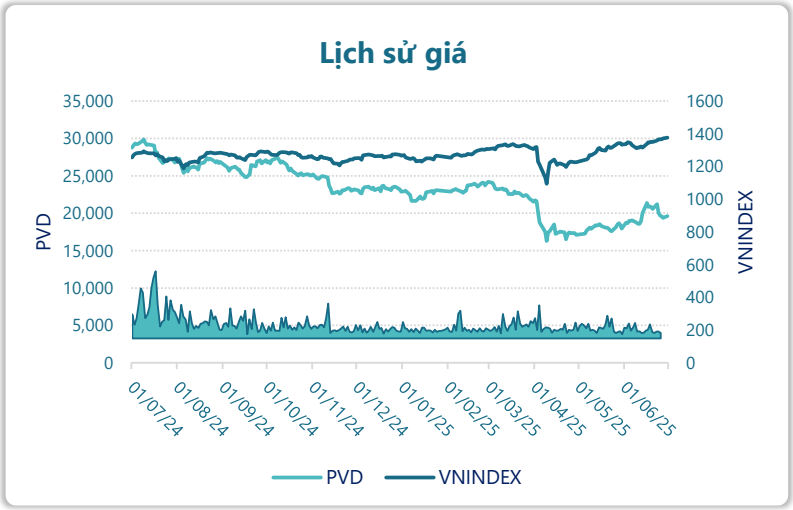

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,876
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,282
SL cổ phiếu LH	555,880,006
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,859,790
% sở hữu nước ngoài	3.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,145
P/E	14.1
EPS	1,422

DT thuần

Q2/25

2,447

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 944| 62.8%

YoY: ▲ 165| 7.2%

LN sau thuế

Q2/25

250

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 107| 74.8%

YoY: ▲ 118| 89.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

15.0%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần

6T 2025

3,950

tỷ VNĐ

YoY: ▼88.0| -2.2%

LN sau thuế

6T 2025

393

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 112| 39.9%

ROE

Q2/25

4.9%

+/- YoY: ▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh

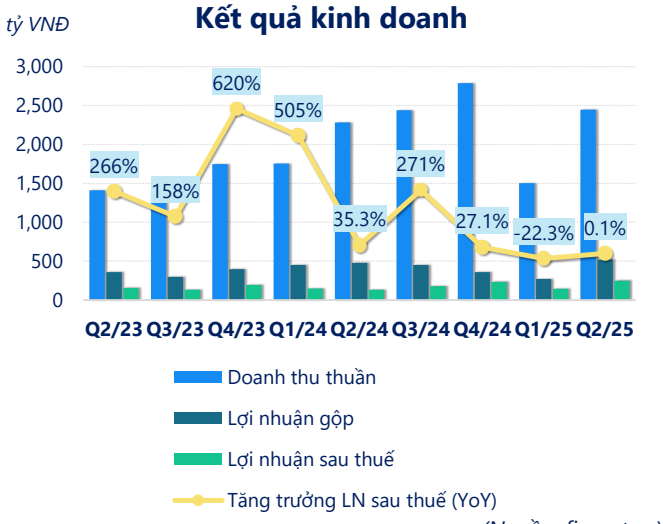

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

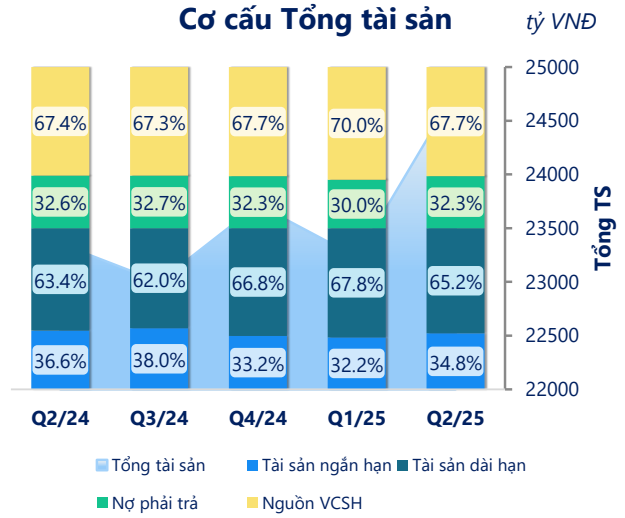

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

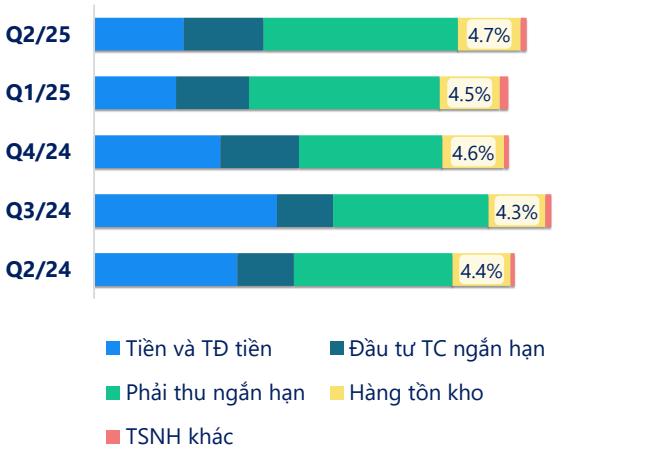

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

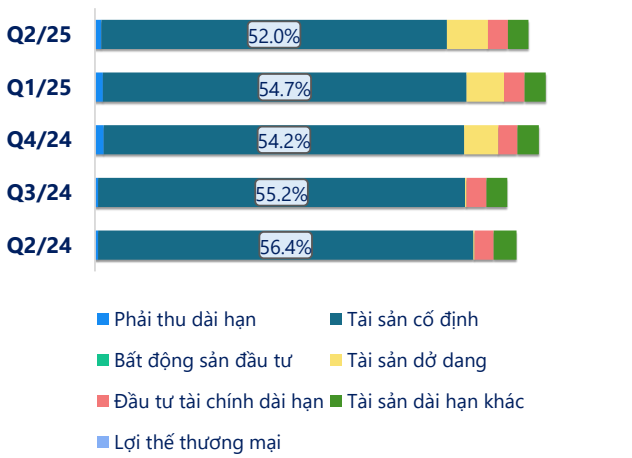

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

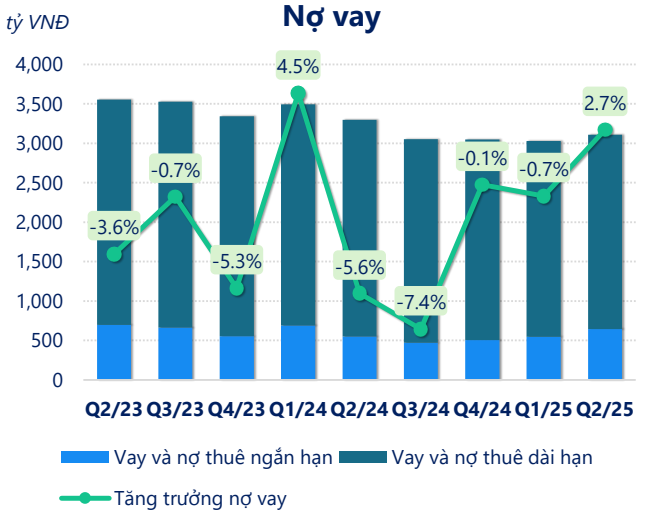

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

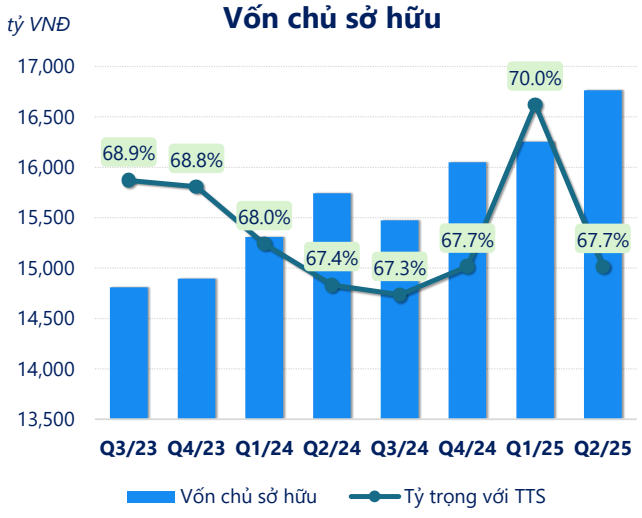

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

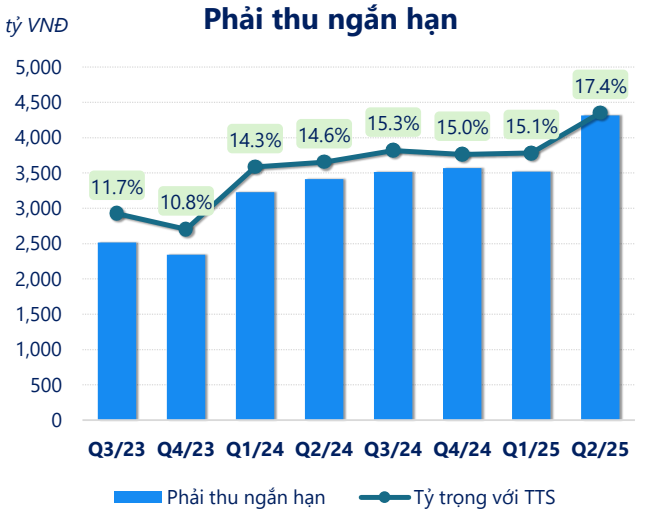

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

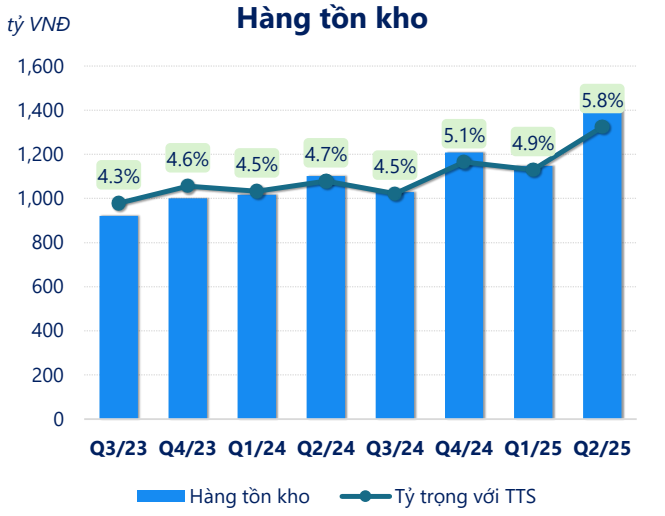

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

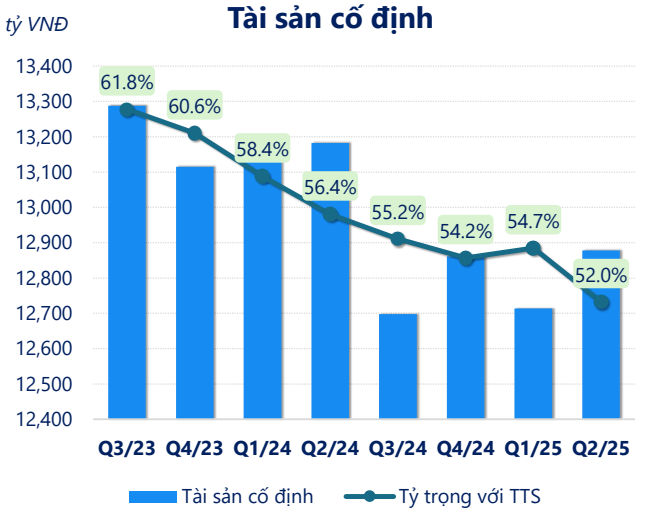

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

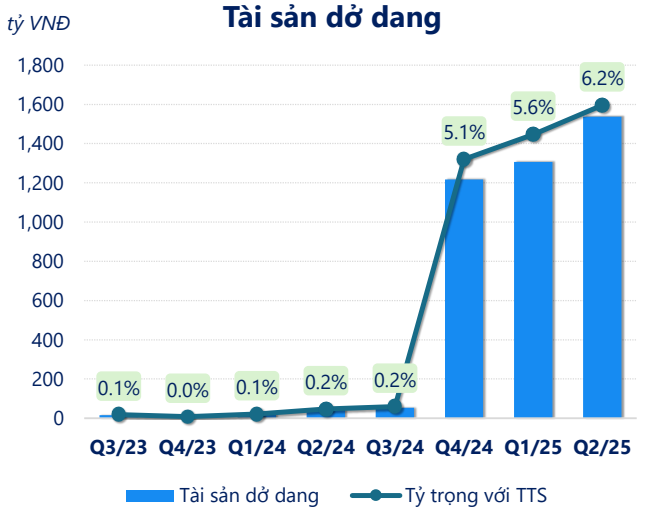

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

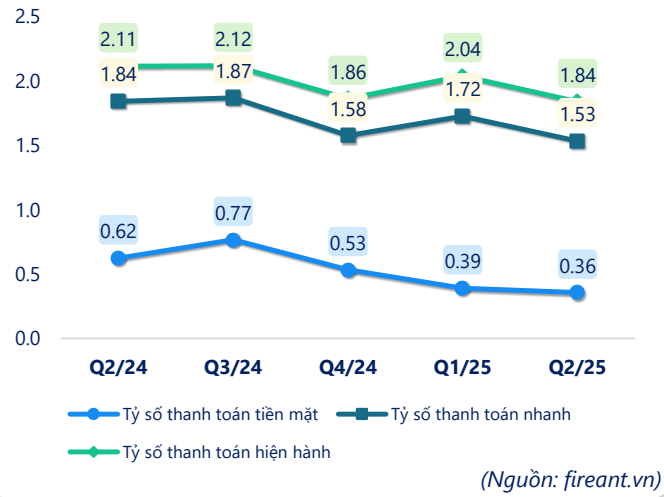

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

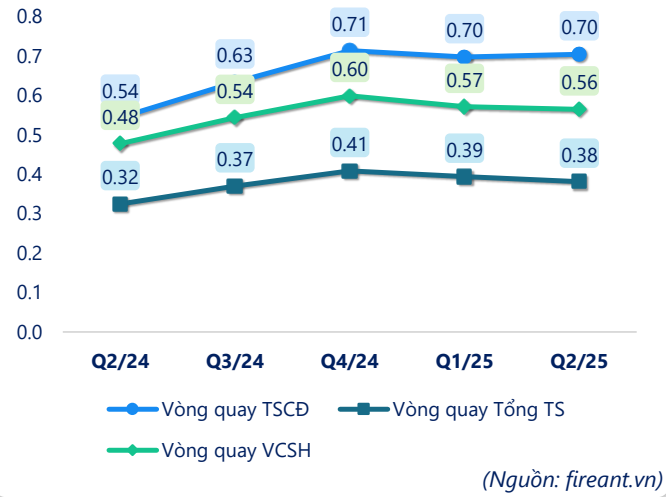

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**23,355**	**23,002**	**23,719**	**23,232**	**24,774**
Tài sản ngắn hạn	**8,538**	**8,733**	**7,878**	**7,482**	**8,622**
Tiền và tương đương tiền	2,516	3,162	2,253	1,435	1,672
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,402	884	720	1,174	944
Phải thu ngắn hạn	3,413	3,513	3,568	3,517	4,313
Hàng tồn kho	1,102	1,029	1,209	1,148	1,435
Tài sản ngắn hạn khác	105	144	128	208	257
Tài sản dài hạn	**14,816**	**14,269**	**15,841**	**15,750**	**16,152**
Phải thu dài hạn	110	108	315	276	236
Tài sản cố định	13,183	12,698	12,861	12,714	12,878
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	42.6	53.3	1,217	1,307	1,537
Đầu tư tài chính dài hạn	677	686	682	715	743
Tài sản dài hạn khác	804	724	766	738	757
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**7,613**	**7,530**	**7,669**	**6,979**	**8,012**
Nợ ngắn hạn	**4,038**	**4,124**	**4,231**	**3,672**	**4,689**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	550	470	507	545	646
Phải trả người bán ngắn hạn	991	709	1,170	869	1,647
Nợ dài hạn	3,575	3,406	3,438	3,306	3,322
Vay và nợ thuê dài hạn	2,746	2,582	2,541	2,483	2,464
Nguồn vốn chủ sở hữu	**15,742**	**15,472**	**16,049**	**16,253**	**16,763**
Vốn chủ sở hữu	**15,742**	**15,472**	**16,049**	**16,253**	**16,763**
Vốn điều lệ	5,563	5,563	5,563	5,563	5,563
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)